

Lê Duẩn Và Chiến Tranh Biên Giới 1979



Trần Trung Đạo
(Đặc San Lâm Viên)

Lê Duẩn sinh ngày 7 tháng 4, 1907 tại làng Bích La, xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Học lực tiểu học. Họ Lê tham gia một số tổ chức chống Thực Dân Pháp trước khi tham gia đảng CS 1930. Chỉ trong một năm sau, 1931, Lê Duẩn trở thành ủy viên Tuyên Huấn, xứ ủy Bắc Kỳ. Bị bắt đày ra Côn Đảo. Ra tù, Lê Duẩn làm Bí Thư Xứ Ủy Trung Kỳ. Năm 1940, bị bắt và đày đi Côn Đảo lần nữa cho đến tháng Tám 1945. Sau thời gian làm việc bên cạnh Hồ Chí Minh tại Hà Nội, cuối năm 1946 Lê Duẩn vào Nam chỉ đạo bộ phận miền Nam của đảng CS. Năm 1957, Lê Duẩn được điều ra Bắc và từ đó đóng những vai trò quan trọng trong guồng máy lãnh đạo đảng CSVN trong chức vụ Bí Thư Thứ Nhất rồi Tổng Bí Thư cho tới khi chết ngày 10 tháng 7, 1986.

Khác với các lãnh tụ CS như Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Hoan có quan hệ gần gũi với giới lãnh đạo Cộng Sản Trung Quốc (CSTQ) và nhiều dịp sang Trung Cộng, địa bàn hoạt động của Lê Duẩn là ở miền Nam.

Trong thời gian mặt trận Điện Biên Phủ không có Lê Duẩn. Khi Hiệp Định Geneva ký kết, Lê Duẩn đang ở tại tỉnh Hậu Nghĩa. Đó cũng là lúc y nhận được lệnh của Hồ Chí Minh vào thẳng miền Nam để tái lập các tổ chức CS và giải thích với họ về hiệp định Geneva.

LÊ DUẨN “CHỐNG TÀU”?

Lê Duẩn được biết như là lãnh tụ CS có khuynh hướng chống Tàu. Quan điểm chống Tàu của họ Lê dựa trên chủ nghĩa dân tộc cực đoan quá khích hơn là học từ kinh nghiệm quốc tế về địa lý chính trị của một “nước trái độn”.

Trong bang giao quốc tế, ưu tiên tối thượng của một nước nhỏ nằm bên cạnh một nước lớn là bảo vệ cho được chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, và tránh chiến tranh khi chưa đủ thế quốc tế và lực quốc nội.

Khi Thổ Nhĩ Kỳ vừa được độc lập năm 1921 và bị các cường quốc Châu Âu bỏ rơi, nền dân chủ chưa đủ mạnh, Tổng thống Mustafa Kemal phải làm bạn với Vladimir Lenin để, theo lời ông, “*chủ quyền của Thổ không bị thương tổn*” cho đến khi bắt tay được với Mỹ, tháng 3, 1947. Các nước nhỏ tồn tại nhờ dựa vào các liên minh và các lãnh đạo sáng suốt biết liên minh nào đáng tin cậy và liên minh nào không đáng tin cậy.

Các lãnh tụ CS từ Lê Duẩn trước đây cho tới Nguyễn Phú Trọng ngày nay đều không làm được điều đó vì quyền lợi của đảng và quyền lợi của dân tộc không phải lúc nào cũng đi đôi.

LÊ DUẨN VÀ MAO

Lê Duẩn gặp Mao Trạch Đông ba lần. Lần thứ nhất tại Vũ Hán năm 1963, lần thứ hai vào tháng tám, 1964 và lần thứ ba vào tháng 5, 1970.

Sau Chiến Tranh Biên Giới 1979, Lê Duẩn, dưới bút danh “*Đồng chí B*” kể lại thái độ chống Tàu của ông ta trong một lần đối đáp với Mao:

“Đối với Việt Nam, họ không dám nói thẳng về việc di dân như vậy. Tuy nhiên, ông ta [Mao] nói với tôi: ‘Các đồng chí, có thật người Việt Nam đã chiến đấu và đánh bại quân Nguyên không?’ Tôi nói: ‘Đúng.’ ‘Thế có thật là các anh cũng đánh bại cả quân Thanh nữa phải không?’ Tôi đáp: ‘Đúng.’ Ông ta lại hỏi: ‘Và cả quân Minh nữa, đúng không?’ Tôi trả lời: ‘Đúng, và cả các ông nữa. Tôi sẽ đánh bại cả các ông. Ông có biết thế không?’ Tôi đã nói với Mao như vậy đó. Ông ấy nói: ‘Đúng! Đúng!’ Mao muốn chiếm Lào, cả nước Thái Lan... cũng như muốn chiếm toàn vùng Đông Nam Á. Mang người đến ở đó. Thật là phức tạp.”

(Christopher E. Goscha, *Le Duan and the Break with China*, bản dịch của Bùi Xuân Bách, talawas).

Thái độ kiêu ngạo hay những phát biểu “*nước lớn*” của Lê Duẩn dù sao cũng chỉ giới hạn trong lời nói. Thực tế hành động chính trị mới là tai họa. Những biện pháp cực đoan chưa cần thiết của họ Lê như xua đuổi Hoa Kiều bên cạnh các lý do khác đã dẫn đến sự căng thẳng trong bang giao giữa CSVN và CSTQ và hậu quả là Chiến Tranh Biên Giới 1979.

LÊ DUẨN VÀ ĐẶNG TIỂU BÌNH

Lê Duẩn không giấu thái độ chống Tàu nhưng cũng không xem đó là một ưu tiên. Mục đích chính của Lê Duẩn là vận động phe CS quốc tế để thống nhất Việt Nam bằng súng đạn và thiết lập chế độ xã hội chủ nghĩa làm tiền đề cho chủ nghĩa CS trên toàn cõi Việt Nam như đã khẳng định trong đường lối của đảng.

Vì mục đích CS hóa Việt Nam, Lê Duẩn sẵn sàng chấp nhận không những 100,000 quân mà ngay cả nửa triệu quân Trung Cộng được đưa sang Bắc Việt cũng không sao.

Lê Duẩn khẳng định điều này trong buổi tiếp xúc với Đặng Tiểu Bình tại Bắc Kinh, tháng 4, 1966:

“Lo ngại về sự giúp đỡ của Trung Quốc đối với Việt Nam, chúng tôi muốn trình bày thật sáng tỏ và chúng tôi không có lo ngại gì về vấn đề đó. Hiện nay có hơn 100,000 quân Trung Quốc tại Việt Nam, nhưng chúng tôi nghĩ bất cứ khi nào có một biến cố trầm trọng xảy ra, có thể cần tới 500,000. Sự giúp đỡ này là từ một nước hữu nghị. Chúng tôi nghĩ rằng với tư cách một nước xã hội chủ nghĩa anh em, Trung Quốc có thể làm điều đó.”

(Digital History, Document 12. Zhou Enlai, Deng Xiaoping, Kang Sheng, Le Duan, Nguyen Duy Trinh, Beijing, 13 April 1966).

Phát biểu của Lê Duẩn cho thấy chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam không quan trọng bằng CS hóa Việt Nam và tổ quốc không cao hơn đảng.

Mặc dù có thái độ chống Tàu và tin hai nước có thể dẫn tới chiến tranh lớn, Lê Duẩn không nghĩ Đặng Tiểu Bình tấn công Việt Nam vào ngày 17 tháng 2, 1979.

Lê Duẩn và Đặng Tiểu Bình gặp nhau tại Bắc Kinh ngày 29 tháng 9, 1975. Trong dịp này vấn đề mấy trăm ngàn quân Trung Cộng đang đóng tại hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây được đặt ra.

Theo Đặng Tiểu Bình, số dĩ quân Trung Cộng với số lượng đông như thế đóng sát biên giới Việt Nam chẳng qua vì trước đây Trung Cộng đề phòng trường hợp Mỹ đổ bộ vào Bắc Việt như đã xảy ra tại Bắc Hàn. Đặng cũng nói nếu phía Việt Nam cảm thấy đó là một đe dọa, quân đội Trung Cộng sẽ rút đi. Các đơn vị quân Trung Cộng sau đó đã thật sự rút đi. (Wilson Center, Minutes Of Conversation Between Deng Xiaoping And Le Duan Beijing, 29 September 1975).

Qua thái độ của Đặng Tiểu Bình và việc rút mấy trăm ngàn quân Trung Cộng khỏi hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây làm cho Lê Duẩn yên tâm rằng tranh chấp giữa hai nước căng thẳng nhưng chưa đạt đến bước chiến tranh với quy mô lớn.

Lê Duẩn đánh giá từng cá nhân trong giới lãnh đạo Trung Cộng. Lê Duẩn không thích Mao “*một người có trái tim Đại Hán không đáng tin và còn tính chiếm cả Đông Nam Á*”. Họ Lê dành nhiều thiện cảm đối với Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình. Chu nhiệt tình với ý kiến đoàn kết phe xã hội chủ nghĩa để ủng hộ CSVN dù Mao cho đó là việc không thể làm được.

Năm 1977, Lê Duẩn chia sẻ với Đại sứ Liên Xô tại Việt Nam rằng “*Hoa Quốc Phong là người không hiểu chúng tôi*” nhưng Đặng “*đã đối xử với Việt Nam bằng sự hiểu biết sâu sắc*”. Trong thời gian đó, Lê Duẩn còn hy vọng Đặng Tiểu Bình sẽ thắng cuộc đấu tranh quyền lực trong nội bộ đảng CSTQ và nếu vậy tình hình sẽ cải thiện. Ngay cả sau Chiến Tranh Biên Giới 1979, Lê Duẩn vẫn nghĩ Đặng phát động cuộc xâm lăng chẳng qua là do áp lực của các phe nhóm khác trong nội bộ lãnh đạo đảng CSTQ và để khỏi bị kết án là xét lại chứ bản thân họ Đặng không chủ trương vậy. (Stein Tonnesson, introduction Le Duan and the Break with China, trang 275).

Sự thật như cả thế giới biết ngày nay, chủ trương đánh Việt Nam là của Đặng Tiểu Bình và chính y đã chuẩn bị một cách chi tiết từng bước, từng giai đoạn, từng mặt đối nội lẫn quốc tế cho cuộc chiến xâm lăng. Các bản tin Tân Hoa Xã hàng ngày tố cáo Việt Nam khiêu khích nhiều nơi vùng biên giới, một chiến thuật tuyên truyền cổ điển trước khi bắt đầu một cuộc xâm lăng.

CSVN BỊ BÁT NGỜ VỀ “THỜI GIAN VÀ QUY MÔ BINH LỰC”

Tài liệu nghiên cứu của trung tâm National Foreign Assessment Center trực thuộc CIA tổng hợp vào ngày 5 tháng 3, 1979 cho thấy sự tranh chấp giữa hai nước diễn ra sau 1975 không chỉ vùng biên giới mà cả khu vực vịnh Bắc Bộ và Hoàng Sa. Phi cơ chiến đấu của Trung Cộng nhiều lần vi phạm không phận Việt Nam bất chấp sự phản đối của phía CSVN. CSVN sau nhiều lần bị khiêu khích cũng đã đưa các phi cơ chiến đấu lên để bảo vệ không phận Cao Bằng, Lạng Sơn. Dù phi công Việt Nam kinh nghiệm và phi cơ cũng hiện đại hơn nhưng kém Trung Cộng xa về số lượng, CSVN, do đó, cũng tự chế vì không muốn mở rộng xung đột sang lãnh vực không quân. (The Sino-Vietnamese Border Conflict, National Foreign Assessment Center, March, 1979).

Hà Nội tiến hành xây dựng các tuyến phòng thủ dọc biên giới dài 1,285 km và lớn tiếng

công khai thách thức Bắc Kinh. Giọng điệu hiếu chiến “*đánh bại Thực Dân Pháp, đánh bại Đế Quốc Mỹ và sẽ đánh bại Trung Quốc*” được lập đi lập lại trên các hệ thống truyền thông.

Ngược lại với một CSVN kiêu căng, Trung Cộng đóng vai “*yếu chuộng hòa bình*” ngay cả khi Đặng Tiểu Bình tính toán từng chi tiết nhỏ trong kế hoạch chiến tranh lớn sắp diễn ra. Nhờ đóng kịch khéo léo nên dù là kẻ công khai xâm lược, ngoại trừ Liên Xô và chư hầu CS Đông Âu, không một quốc gia tự do dân chủ nào kết án Trung Cộng xâm lăng Việt Nam.

Các đụng độ nhỏ dọc biên giới kéo dài cho đến ngày 13 tháng 12, 1978 và đó cũng là ngày lần đầu tiên hai chữ “*trùng phạt*” xuất hiện trong một bản tin chính thức của Trung Cộng. Cũng theo tài liệu của CIA, vào ngày 7 tháng Giêng, 1979, CSVN đã biết Trung Cộng tập trung các đạo quân lớn dọc biên giới.

CSVN vẫn cho các động tác đó chỉ nhằm hù dọa. Một tuần lễ trước ngày Trung Cộng tấn công, một viên chức Bộ Ngoại Giao CSVN tại Hà Nội vẫn cho rằng Đặng Tiểu Bình chỉ “*đánh võ mồm*”.

Lãnh đạo CSVN, đứng đầu là Tổng Bí Thư Lê Duẩn, nghĩ Đặng Tiểu Bình không, hay ít nhất, chưa đánh Việt Nam. Họ tin đến nỗi mang cả một phái đoàn quân sự hùng hậu sang Cambode trước ngày 17 tháng 2, 1979 để nhấn mạnh yếu tố quân sự trong bang giao giữa CSVN và CS Cambode. Vào tuần lễ đó, phần lớn các đại đơn vị thiện chiến của quân đội CSVN vẫn còn phối trí trong mặt trận Tây Nam. Quân đội CSVN chỉ có khoảng năm sư đoàn trải dài một phòng tuyến trên 1200 km. Tương quan giữa CSTQ và CSVN là sáu đánh một. Riêng tại mặt trận Lạng Sơn, Trung Cộng dùng chín sư đoàn để tấn công một sư đoàn chủ lực duy nhất của CSVN là sư đoàn 3.

Báo New York Times, ngày 21 tháng 2, 1979, viết: “*Việc ký hiệp ước quan trọng đến mức một phái đoàn do Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu vẫn tiếp tục ở lại Nam Vang sau khi Trung Cộng xâm lăng Việt Nam. Ý nghĩa quân sự của hiệp ước còn được nhấn mạnh với sự hiện diện của Tướng Văn Tiến Dũng.*” (New York Times, 21 tháng 2, 1979).

Dương Danh Dy, cựu Tổng lãnh sự Việt Nam tại Quảng Châu, thừa nhận: “*Trong bối cảnh trên, cuộc chiến tranh biên giới đẫm máu ngày 17/2/1979 do nhà cầm quyền Trung Quốc - mà người chủ xướng là Đặng Tiểu Bình, phát động, về tổng thể không bất ngờ đối với chúng tôi, nhưng về thời gian cụ thể và nhất là về qui mô binh lực mà Trung Quốc sử dụng thì quả là không tính tới.*” (Dương Danh Dy, Nhớ lại đêm 17 tháng 2 năm 1979,

BBC 18 Tháng 2 2009)

Thái độ bình thường của Lê Duẩn trong buổi tiệc cưới của Lê Kiên Thành, con trai y, là thái độ của những lãnh tụ CS từng trải, quá quen với giết chóc. Lê Kiên Thành kể “*Đặc biệt, nét mặt cha tôi rất bình thản, không hề để lộ (hoặc có thể không có) cảm giác âu lo hay căng thẳng gì*” dù anh ta cũng thừa nhận “*Tôi thoáng thấy sự căng thẳng trên gương mặt của những lãnh đạo đơn vị và quân chúng không quân.*” (Thanh Niên 17.2.2014, Ký ức đám cưới ngày 17.2.1979 của con trai Tổng bí thư Lê Duẩn).

Lý luận cho rằng Lê Duẩn tin tưởng các lực lượng dân quân thuộc các tỉnh biên giới và vài sư đoàn có khả năng bảo vệ đất nước là nguy hiểm. Họ chiến đấu một cách anh dũng nhưng về nhân lực và vũ khí họ không phải là đối thủ với gần nửa triệu quân chính quy Trung Cộng.

Nếu Lê Duẩn đánh giá đúng đường đi nước bước của Đặng Tiểu Bình và tình báo CSVN hoạt động có hiệu quả nhiều ngàn thanh niên Việt Nam đã không chết, Lạng Sơn đã không bị san bằng, hai tiểu đoàn bảo vệ thị trấn Đồng Đăng đã không phải hy sinh đến người lính cuối cùng.

ĐÁP ỨNG CỦA LIÊN SÔ

Trong diễn văn chào đón phái đoàn Lê Duẩn tháng 9, 1975, Đặng gián tiếp kết án “*chủ nghĩa bành trướng*” Liên Sô, trong khi đó Lê Duẩn tiếp tục quan điểm cố hữu “*xây dựng sự đoàn kết trong phe xã hội chủ nghĩa*”.

Lê Duẩn và phái đoàn rời Bắc Kinh hai ngày sớm hơn dự định, không kèn trống, không có tiệc tiễn đưa, không hứa hẹn trong một thông cáo chung. Quan điểm giữa hai đảng về Liên Sô vốn khác biệt đã tạm thời gác lại trong chiến tranh nhưng trở thành sâu sắc sau khi chiến tranh chấm dứt.

Khác với chuyến viếng thăm Bắc Kinh, Lê Duẩn và phái đoàn thăm viếng Moscow vào tháng 10, 1975 được đón tiếp một cách trang trọng. Một kế hoạch hợp tác kinh tế giữa CSVN và Liên Sô giai đoạn 1976 đến 1980 được đề ra. Hợp tác Liên Sô và CSVN mở đường cho việc CSVN trở thành hội viên chính thức của CMIA (The Council for Mutual Economic Assistance, Hội đồng Tương trợ kinh tế), một tổ chức hợp tác kinh tế do Liên Sô chế ngự. Tháng 11, CSVN và Liên Sô ký Hiệp Ước Hữu Nghị Và Hợp Tác. Hiệp ước này dưới mắt Trung Cộng, CSVN chính thức chấp nhận làm một chư hầu phương đông của Liên Sô và CSVN từ đó được xem như là kẻ thù của Trung Cộng.

Sau các hiệp ước này, viện trợ kinh tế của Liên Sô dành cho CSVN gia tăng rõ rệt. Liên Sô tham gia vào 30 đề án, với 30 phần trăm thuộc khu vực kỹ nghệ. Các công ty với sự tài

trợ của Liên Xô đã sản xuất 47 phần trăm điện lực, 54 phần trăm chì, 85 phần trăm than đá, 30 phần trăm cement, 100 phần trăm các khoáng chất apatite, superphosphate, sulfuric acid và dụng cụ cơ khí. Liên Xô cũng cung cấp 2000 km đường dây điện cao thế chiếm 56 phần trăm tổng số hệ thống mạng điện của cả nước. Ngoài ra rất nhiều khoản viện trợ khác về các lãnh vực kinh tế. (Buu Hoan, Soviet Economic Aid to Vietnam, Contemporary Southeast Asia, trang 362).

Nhưng ngoài các hợp tác kinh tế, trong Chiến Tranh Biên Giới Việt-Trung 1979, Liên Xô không thực thi đúng mức các điều khoản khác về quân sự và phòng thủ ghi trong Hiệp Ước Hữu Nghị Và Hợp Tác. Quân số Liên Xô đóng tại biên giới phía Bắc quá ít không đủ tạo nên một mặt trận tương đương với mặt trận biên giới Việt-Trung. Đặng Tiểu Bình đánh bạc và thắng vì không có những động binh đáng kể của Liên Xô.

Trong lúc Lê Duẩn hy vọng Hiệp Ước Hữu Nghị Và Hợp Tác sẽ làm nhụt chí Đặng Tiểu Bình, các phản ứng của Liên Xô rất giới hạn và Đặng Tiểu Bình không nhụt chí.

Hành động cụ thể nhất của Liên Xô là đưa một lực lượng đặc nhiệm gồm 15 tàu chiến vào Biển Đông vào ngày 8 tháng 2, 1979. Nhưng phần lớn lực lượng này chỉ nhằm thu nhặt tin tức tình báo hơn là chiến đấu. Khi chiến sự bùng nổ, các phi cơ vận tải quân sự của Liên Xô giúp chuyển vận vũ khí, đạn dược và các máy bay thám thính được gửi tới khu vực để thăm dò tin tức. Ngay ngày hôm sau, Liên Xô cho biết họ có thể thực thi các cam kết trong Hiệp Ước Hữu Nghị Và Hợp Tác. Nhưng đó chỉ là tin đe dọa nhằm thăm dò phản ứng của Trung Cộng. Năm ngày sau, 22 tháng 2, Liên Xô chính thức thông báo sẽ không can thiệp vào xung đột quân sự. (Sally W. Sstoeker, Clients and Commitments: SoViet-Vietnamese Relations 1978-1988)

KẾT LUẬN

Liên Xô sụp đổ tháng 12, 1991. Sau hiệp ước bí mật tại Thành Đô, CSVN quay về với cội nguồn Trung Cộng. Dòng nước đỏ trôi đi rồi lại trôi về. Tròn một chu kỳ anh em, thù hận và trở lại anh em. Khác chăng, chu kỳ đó được lót bằng thân xác, máu xương của hàng triệu tuổi trẻ Việt Nam. Thân xác họ gởi lại ở Lạng Sơn, Cao Bằng, Vị Xuyên như đã gởi lại dọc Trường Sơn trước đó. Họ chết cho tổ quốc hay không tùy thuộc vào góc nhìn và trình độ nhận thức của mỗi người. Nhưng có điều chắc chắn, nếu không có ý thức hệ CS họ đã không phải chết.

Thế giới đã đổi thay. Những cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và cách mạng xã hội đã nâng cao nếp sống và cách suy nghĩ của con người. Những quốc gia Phi Châu cách đây không lâu điêu tàn vì nội chiến hay chịu đựng nạn đói chưa từng có như Botswana,

Senegal, Tunisia nay đã trở thành những nước tự do dân chủ kiểu mẫu. Họ có lẽ vẫn còn nghèo nhưng không ai dám gọi người dân Botswana, Senegal, Tunisia là lạc hậu. Việt Nam thì khác. Việt Nam lạc hậu. Một con người không làm chủ được chính mình là lạc hậu, yếu hèn. Việt Nam thay vì bước tới cùng nhân loại lại trở về thời 1950 lệ thuộc vào Trung Cộng cả kinh tế lẫn tư tưởng.

Mọi chế độ độc tài, CSVN hay CSTQ với các mâu thuẫn đối kháng bên trong mâm mông đương nhiên một ngày sẽ sụp đổ. Nhưng không ai có thể trả lời là thời điểm nào. Chúng có thể tan rã ngày mai và chúng cũng có thể lê lét suốt trăm năm.

Người viết đã trình bày trong phần kết luận của bài “*Hiểm họa Trung Cộng, bài học Thổ Nhĩ Kỳ*”, yếu tố duy nhất và quyết định vẫn là những người Việt còn quan tâm đến tương lai Việt. Không ai sống thay hay chết thế cho mình. Chính các thành phần dân tộc Việt Nam trong và ngoài nước là lực duy nhất nằm ngoài sự kiểm soát của đảng Cộng Sản và cũng là lực duy nhất có khả năng đưa Việt Nam ra khỏi bờ vực chiến tranh và đưa đất nước tới một tương lai sáng lạn cho con cháu mai sau.

Các thành phần dân tộc không chỉ là những người đang công khai chống đảng, những người đứng ngoài cơ chế lãnh đạo, những người không Cộng Sản mà là bất cứ ai nhận thức được manh tâm của chủ nghĩa bành trướng Trung Cộng, bản chất sai lầm trong cơ chế độc tài đang thống trị Việt Nam và chọn lựa dứt khoát đứng về phía dân tộc. Thấy được con đường dân tộc phải đi và dâng hiến tình yêu cho đất nước không bao giờ quá trễ.

Chọn lựa của thời đại ngày nay không chỉ là chọn lựa giữa dân chủ hay độc tài nhưng quan trọng hơn thế nữa, là mất hay còn, tồn tại hay diệt vong của một dân tộc. Hãy cùng nhau lên đường cứu nước.

Trần Trung Đạo

Nguồn: <http://www.dslamvien.com/2020/02/le-duan-va-chien-tranh-bien-gioi-1979.html>

www.vietnamvanhien.org

